

Vietnam Daily Review

Thủy triều đỏ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/7/2021		•	
Tuần 19/7-23/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau thông tin giãn cách xã hội tại 16 tỉnh miền Nam và Hà Nội, thị trường điều chỉnh mạnh trong cả phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy yếu khi chỉ có đúng 1/19 nhóm ngành vận động khả quan. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Thanh khoản thị trường tăng trở lại và độ rộng thị trường tiêu cực phản ánh tâm xu hướng bán mạnh của nhà đầu tư. Trước các thông tin tiêu cực. Với xu hướng như trên, VN-Index có thể vận động trong vùng 1200 -1280 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: CTR_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-55.80** điểm, đóng cửa **1,243.51** điểm. HNX-Index **-15.70** điểm, đóng cửa **292.06** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **DHG (+0.07)**, **KDH(+0.06)**, **HDC(+0.05)**, **GMD(+0.04)**, **PTB(+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-5.52)**, **VHM(-4.26)**, **TCB (-3.42)**, **BID(-3.11)**, **VPB(-2.99)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,047** tỷ đồng, **+49.04%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,822 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 38.78 điểm. Thị trường có **50** mã tăng, 21 mã tham chiếu và **346** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-101.44** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNND (-202.6 tỷ)**, **KDH(-142.4 tỷ)** và **HPG(-70.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.43** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1243.51**
Giá trị: 13450.46 tỷ **-55.8 (-4.29%)**
Khối ngoại (ròng): -101.44 tỷ

HNX-INDEX **292.06**
Giá trị: 2908.73 tỷ **-15.7 (-5.1%)**
Khối ngoại (ròng): 15.43 tỷ

UPCOM-INDEX **82.59**
Giá trị: 704.9 tỷ **-2.74 (-3.21%)**
Khối ngoại (ròng): -21.17 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.2	-2.24%
Giá vàng	1,805	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,014	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,112	-0.19%
Tỷ giá JPY/VND	20,959	0.27%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	19.32%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-4.35%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	126.2	FUEVFNND	-202.6
VNM	121.5	KDH	-142.4
NVL	49.3	HPG	-70.8
DXG	43.1	MSN	-43.4
VHM	36.2	HCM	-29.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.59	-0.08%	-4.00%	-0.40%	68.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.36	-0.15%	-2.90%	-0.30%	57.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	224.55	-0.21%	-2.00%	3.30%	75.40%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1828.79	-0.04%	1.10%	1.00%	-6.62%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.37	0.11%	1.00%	-2.30%	8.07%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1382.25	0.16%	4.00%	0.60%	55.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	673.50	0.22%	9.50%	1.10%	22.57%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.95	-0.18%	-3.40%	-5.70%	1.80%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	194.43	0.02%	-1.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.33	2.36%	-0.70%	-0.30%	44.66%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	157.05	0.29%	3.20%	0.50%	49.36%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9486.50	1.54%	1.80%	-0.90%	47.39%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	853.75	-0.54%	3.30%	7.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	919.69	-0.29%	3.70%	9.90%			
Nhôm	USD/ton	2518.00	-0.28%	3.10%	2.10%	50.73%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	192.78	2.26%	6.60%	1.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	147.10	1.94%	9.70%	26.70%	115.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 giảm 1.29 USD tương đương 1.7% xuống 73.47 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2021 giảm 1.48 USD tương đương 2.2% xuống 71.65 USD/thùng. HĐTL giảm chủ yếu bởi kỳ vọng cung dầu thô tăng sau thỏa thuận giữa các nhà sản xuất hàng đầu OPEC và nhu cầu nhiên liệu của Mỹ suy giảm.
- Báo cáo hàng tháng của OPEC vẫn dự báo nhu cầu dầu toàn cầu trong thời gian còn lại của năm 2021 sẽ hồi phục mạnh còn nhu cầu sử dụng dầu trong năm 2022 sẽ đạt mức tương tự như trước đại dịch Covid-19.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,829.16 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.3% lên 1,830 USD/ounce. Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Jerome Powell cho biết thị trường việc làm của Mỹ vẫn còn cách xa so với tiến độ mà ngân hàng trung ương muốn thấy trước khi giảm hỗ trợ cho nền kinh tế.
- Nền kinh tế Trung Quốc trong quý 2/2021 tăng chậm hơn so với dự kiến, trong khi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp hàng tuần của Mỹ chạm mức thấp nhất 16 tháng trong tuần trước.

	19/7	% 19/7	16/7	% 16/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1243.51	-4.29%	1299.31	0.42%	-4.07%	-8.56%
S&P 500			4327.16	-0.75%	-0.97%	1.90%
HĐTL S&P500	4302.75	-0.37%	4318.60	-0.77%	-1.69%	2.13%
Shang- hai	3539.12	-0.01%	3539.30	-0.71%	-0.25%	0.38%
Euro Stoxx	3988.40	-1.17%	4035.77	-0.51%	-2.56%	-4.08%

Phân tích kỹ thuật
CTR_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: CTR đang ở trong trạng thái vận động tích lũy tại khu vực 68-76 trong 1 tháng nay sau khi có giai đoạn tăng giá trước đó. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI đang ở trên giá trị 50 đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có thể quay lại đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của CTR nằm tại khu vực xung quanh 73. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 85, cắt lỗ nếu ngưỡng 69.3 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

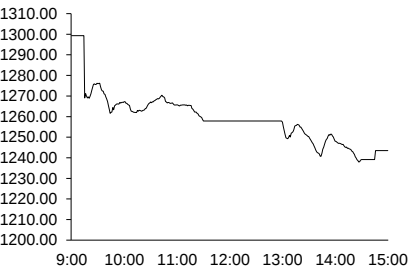
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	0.85%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	-1.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.55%
Xây dựng và Vật liệu	-1.56%
Thực phẩm và đồ uống	-1.76%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.60%
Công nghệ Thông tin	-2.65%
Du lịch và Giải trí	-2.87%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.33%
Ô tô và phụ tùng	-3.44%
Bất động sản	-4.00%
Bảo hiểm	-4.60%
Tài nguyên Cơ bản	-4.98%
Dầu khí	-5.14%
Hóa chất	-5.72%
Ngân hàng	-6.18%
Bán lẻ	-6.28%
Dịch vụ tài chính	-6.60%

Hình 1

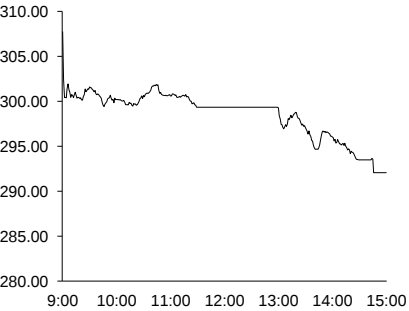
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

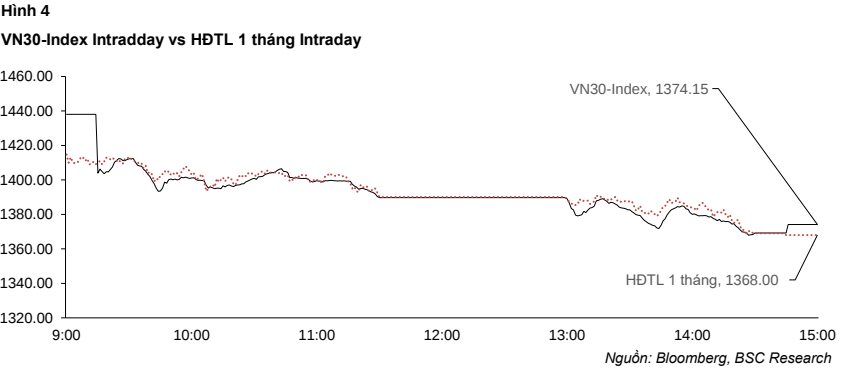
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/16/2021	PDR	90.2	106.5	85	87.8	3	-2.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/15/2021	ACB	32.75	38	30	32.15	4	-1.83%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
7/14/2021	ACV	75	84	72	73	5	-2.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/13/2021	KBC	32.5	40	30	30.5	6	-6.15%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	39.1	7	2.89%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	16.95	10	-5.83%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	156.5	12	-5.61%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	47	13	3.52%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	30.7	35	13.28%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	24.2	49	-12.32%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGX	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/29/2021	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	7	6.57%	-5.30%	-1.74%	14
Cổ phiếu đã chốt	160	108	13.64%	-7.91%	4.96%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1368.00	-5.00%	-6.15	22.3%	307,734	19/08/2021	33
VN30F2109	1369.90	-4.82%	-4.25	111.6%	787	16/09/2021	61
VN30F2112	1367.60	-5.08%	-6.55	20.2%	131	16/12/2021	152
VN30F2203	1378.00	-4.16%	3.85	-82.6%	38	17/03/2022	243

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -63.90 điểm, lên 1374.15 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, HPG, MWG, MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch điều chỉnh giảm xuống quanh 1370-1375 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2102	13/08/2021	25	2:1	253,800	32.78%	2,800	5,280	4.55%	3,159	1.67	33,364	28,273	37,300
CKDH2002	16/08/2021	28	4:1	626,800	32.78%	1,600	3,610	4.34%	2,517	1.43	30,666	24,848	37,300
CMSN2103	13/08/2021	25	6:1	288,000	38.90%	3,000	5,460	-2.50%	5,282	1.03	106,000	88,000	119,400
CTCB2101	05/10/2021	78	1:1	108,400	40.68%	5,000	22,690	-8.84%	17,334	1.31	36,000	31,000	48,000
CHPG2106	27/08/2021	39	2:1	215,800	38.69%	4,100	8,500	-11.46%	273	31.16	42,937	36,908	44,300
CTCB2012	30/07/2021	11	1:1	91,400	40.68%	5,400	26,600	-11.92%	26,031	1.02	27,400	22,000	48,000
CMWG2104	22/03/2022	246	10:1	389,100	34.02%	2,400	5,800	-11.99%	3,199	1.81	159,000	135,000	156,500
CMBB2102	12/08/2021	24	10:1	291,700	38.96%	1,200	1,790	-13.11%	1	1,904.26	46,468	34,468	27,150
CVPB2104	27/08/2021	39	3:1	163,000	39.78%	2,500	6,890	-14.94%	3,804	1.81	56,500	49,000	60,000
CPDR2102	27/09/2021	70	5:1	202,700	38.44%	1,100	3,430	-15.52%	1,142	3.00	94,499	88,999	87,800
CVPB2103	09/08/2021	21	2:1	222,800	39.78%	2,700	12,200	-15.57%	11,800	1.03	41,900	36,500	60,000
CTCB2101	27/09/2021	70	5:1	427,500	38.44%	1,100	2,690	-16.98%	821	3.28	94,388	88,888	87,800
CSTB2103	09/08/2021	21	2:1	272,000	46.17%	1,400	4,600	-17.12%	4,775	0.96	20,800	18,000	27,500
CHPG2105	09/08/2021	21	2:1	119,500	38.69%	3,000	10,110	-17.13%	1,542	6.56	48,000	42,000	44,300
CHPG2108	12/08/2021	24	5:1	688,200	38.69%	1,200	2,500	-17.76%	0	5,102.04	48,124	43,713	44,300
CHPG2107	12/08/2021	24	5:1	695,700	38.69%	1,300	2,530	-18.65%	1	4,960.78	48,463	43,684	44,300
CTCB2103	09/08/2021	21	2:1	591,100	40.68%	2,900	7,200	-20.00%	6,299	1.14	41,300	35,500	48,000
CMWG2105	27/08/2021	39	8:1	338,400	34.02%	2,950	4,200	-23.64%	3,253	1.29	155,100	131,500	156,500
CMWG2102	02/08/2021	14	5:1	264,900	34.02%	3,000	7,170	-24.61%	7,344	0.98	135,000	120,000	156,500
CPNJ2102	02/08/2021	14	5:1	748,100	32.17%	2,000	2,700	-30.77%	2,355	1.15	90,000	80,000	91,600
Tổng				6,745,100	38.45%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CPNJ2102 và CMWG2102 giảm mạnh lần lượt là -30.77% và -24.61%. Giá trị giao dịch tăng 89.78%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.65% thị trường.
- CSTB2103, CMWG2102, CVPB2015, CTCB2012 và CVPB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2015, CHPG2101, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	156.5	-6.9%	0.8	3,234	12.9	9,051	17.3	4.3	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	91.6	-4.6%	0.9	906	3.7	4,974	18.4	3.6	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	-5.9%	1.5	1,549	2.2	2,548	18.8	1.7	26.9%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	36.8	-2.6%	0.5	358	0.1	3,809	9.7	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	102.9	-2.7%	0.7	15,133	8.2	2,174	47.3	4.3	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	26.8	-3.2%	1.1	2,648	6.2	1,175	22.8	2.0	30.6%	9.3%
VHM	Bất động sản	104.3	-4.3%	1.0	14,917	14.7	7,874	13.2	3.8	23.3%	33.6%
DXG	Bất động sản	20.1	-6.9%	1.3	453	13.3	(61)		1.6	28.2%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	49.3	-6.6%	1.5	1,404	36.4	2,776	17.8	2.8	48.5%	16.2%
VCI	Chứng khoán	48.5	-6.9%	1.0	702	7.5	2,851	17.0	3.3	21.0%	22.1%
HCM	Chứng khoán	44.5	-6.9%	1.6	590	13.8	2,462	18.1	2.9	48.0%	16.4%
FPT	Công nghệ	84.7	-2.4%	0.9	3,342	12.2	4,103	20.6	4.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.0	0.0%	0.4	1,085	0.1	4,304	17.7	5.3	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.7	-3.7%	1.3	7,215	2.7	3,946	22.0	3.3	2.8%	14.9%
PLX	Dầu khí	49.0	-4.1%	1.5	2,650	2.8	2,915	16.8	2.6	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	22.5	-9.3%	1.7	468	16.7	1,375	16.4	0.9	7.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.7	-6.7%	0.8	2,251	12.1	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.9	2.1%	0.4	534	0.1	5,647	16.6	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	20.8	-2.3%	0.8	354	1.2	1,928	10.8	1.0	14.0%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.6	-5.1%	0.7	382	2.1	1,122	14.8	1.4	2.5%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.0	-5.4%	1.1	15,642	10.8	5,709	17.0	3.6	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.7	-6.7%	1.3	6,934	5.2	2,048	19.4	2.0	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	32.3	-6.9%	1.3	6,739	29.6	3,692	8.7	1.7	24.7%	20.9%
VPB	Ngân hàng	60.0	-7.0%	1.2	6,404	45.6	4,626	13.0	2.6	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	27.2	-6.7%	1.2	4,460	26.7	2,676	10.1	2.0	21.8%	21.6%
ACB	Ngân hàng	32.2	-4.3%	1.0	3,777	14.2	3,194	10.1	2.3	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	55.5	-2.3%	0.7	198	0.1	6,160	9.0	1.9	83.3%	20.3%
NTP	Nhựa	49.9	-2.0%	0.5	256	0.1	3,988	12.5	2.2	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	-0.5%	0.7	908	0.3	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	44.3	-5.2%	1.2	8,615	76.7	4,056	10.9	3.0	26.7%	31.3%
HSG	Thép	33.1	-6.8%	1.4	704	17.4	4,914	6.7	2.0	10.1%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	85.0	-1.0%	0.7	7,724	15.1	4,682	18.2	5.7	55.1%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	154.5	-2.2%	0.8	4,308	0.9	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	119.4	-0.9%	0.9	6,129	7.6	1,281	93.2	8.7	33.3%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	18.0	-5.3%	1.2	483	1.8	1,131	15.9	1.4	8.8%	8.7%
ACV	Vận tải	73.0	-3.9%	0.8	6,909	0.3	577	126.5	4.2	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	114.0	-1.2%	1.1	2,685	2.8	2,256		4.1	18.4%	8.3%
HVN	Vận tải	24.0	-5.9%	1.7	1,480	0.9	(9,327)		23.6	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	41.7	1.2%	1.0	546	9.1	1,246	33.5	2.1	41.9%	6.2%
PVT	Vận tải	17.1	-6.8%	1.3	241	3.8	2,281	7.5	1.1	14.8%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	113.7	2.5%	0.9	791	2.9	8,479	13.4	4.3	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.3	-1.8%	0.4	571	0.3	1,604	18.3	2.0	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.0	-3.4%	0.9	232	0.3	1,566	8.9	1.0	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	59.5	-1.2%	1.0	192	0.7	3,352	17.8	0.5	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	15.6	-2.5%	0.5	162	1.4	56	280.4	0.8	22.2%	0.2%
REE	Điện	50.8	-2.1%	-1.4	683	1.2	5,770	8.8	1.3	49.0%	16.3%
PC1	Điện	24.2	-3.2%	-0.4	201	0.4	2,371	10.2	1.1	10.2%	13.2%
POW	Điện	10.1	-4.7%	0.6	1,028	4.9	1,037	9.7	0.8	3.0%	8.6%
NT2	Điện	18.7	-2.6%	0.5	233	0.2	1,872	10.0	1.3	14.8%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	30.5	-6.7%	1.1	623	11.4	1,639	18.6	1.4	19.9%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	40.7	-6%	0.9	1,832	0.1			2.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	93.90	2.07	0.07	23800
KDH	37.30	0.95	0.06	8.64MLN
HDC	55.90	5.47	0.05	1.87MLN
GMD	41.70	1.21	0.04	4.99MLN
PTB	89.20	2.41	0.03	703100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	-0.01	-5.52	2.54MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-4.26	3.19MLN	607060
TCB	-0.01	-3.42	39.33MLN	373600
BID	-0.01	-3.10	2.96MLN	192700
VPB	-0.01	-2.99	17.01MLN	611640

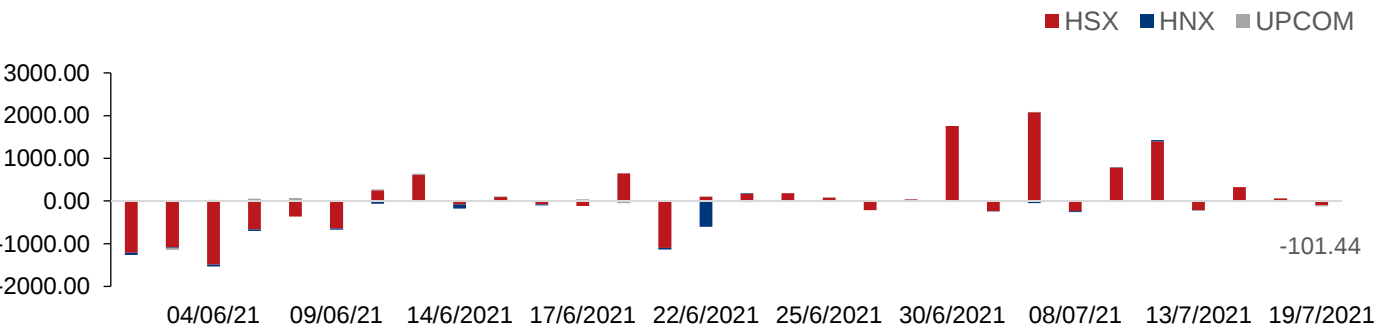
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	9.85	6.95	0.00	1300.00
VMD	25.40	6.95	0.01	38200
DBT	13.15	6.91	0.00	234000
PTL	4.69	6.83	0.01	28200
JVC	3.76	6.82	0.01	2.05MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKG	15.20	-7.32	-0.03	1.45MLN
ELC	14.00	-7.28	-0.02	182000
DLG	2.79	-7.00	-0.02	6.97MLN
HNG	8.24	-7.00	-0.19	11.68MLN
SGT	21.30	-6.99	-0.03	57700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.2	3,194	10.1	2.3	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.0	577	126.5	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.5	600	14.2	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	7.7	-363		0.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	26.8	3,834	7.0	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.3	3,692	8.7	1.7	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	16.6	1122.1	14.8	1.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	79.3	5,505	14.4	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	124.0	7,653	16.2	4.2	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.8	1,928	10.8	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.5	2,869	9.9	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	20.1	-61		1.6	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	84.7	4,103	20.6	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.2	1,091	26.8	2.4	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	49.5	7,082	7.0	2.3	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	44.3	4,056	10.9	3.0	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	33.1	4,914	6.7	2.0	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	14.0	1,566	8.9	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.4	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	30.5	1,639	18.6	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.3	1,946	19.2	2.8	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.6			1.8	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.1	3,258	10.8	1.3	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	59.0	5,257	11.2	2.0	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	119.4	1,281	93.2	8.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	156.5	9,051	17.3	4.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	37.5	4,008	9.4	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	23.9	2,120	11.3	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	91.6	4,974	18.4	3.6	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.1	1,037	9.7	0.8	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	17.9	0	116.3	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	22.5	1,375	16.4	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	154.5	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.0	1,131	15.9	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	37.6	8272.5	4.5	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.0	4,074	11.8	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,709	17.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	37.9	4,166	9.1	2.0	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	14.8	570	26.0	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	37.0	3,837	9.6	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	104.3	7,874	13.2	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	85.0	4,682	18.2	5.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.0	4,626	13.0	2.6	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.8	1,175	22.8	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.6	3,256	25.4	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639